TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
TỈNH HƯNG YÊN

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2024
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Ngà;

2. Ông Lương Văn Kế.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Hiền - Thư ký Toà án nhân dân huyện TL, tỉnh Hưng Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL *tham gia phiên tòa*: Ông Trần Văn Mừng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TL, tỉnh Hưng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023, về việc: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thân Thị Th, sinh năm 1981 *"Có mặt"*
Địa chỉ: Thôn ĐĐ, xã BK, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Đặng Thái L, sinh năm 1985 *"Có mặt"*
Địa chỉ: Khu dân cư TH 2, phường SĐ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Phạm Văn Th1, sinh năm 1973 *"Vắng mặt"*
HKTT: Thôn TV, xã TS, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

Người làm chứng:

- Ông Phạm Văn C, sinh năm 1950 *"Vắng mặt"*

- Anh Phạm Văn D, sinh năm 1998 *"Vắng mặt"*

Cùng địa chỉ: Thôn TV, xã TS, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thân Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn Th1 có quan hệ tình cảm với nhau từ năm chị 16 tuổi. Do chị có thai cháu đầu khi chị mới 16 tuổi nên không đăng ký kết hôn được nhưng hai bên gia đình đã tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, chị và anh Th1 chung sống với bố mẹ anh Th1 tại Thôn TV, xã TS, huyện TL, tỉnh Hưng Yên. Năm 2004 sau khi chị sinh cháu thứ ba thì chị và anh Th1 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã TS, huyện TL, tỉnh Hưng Yên vào ngày 17/4/2004. Sau khi vợ chồng đăng ký kết hôn được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th1 ham chơi, thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến gia đình vợ con. Chị có khuyên ngăn nhưng anh Th1 không nghe nên vợ chồng xảy ra cãi nhau, anh Th1 thường xuyên chửi bới, đáp đập chị. Việc vợ chồng xảy ra đánh cãi nhau, bố mẹ chồng chị có biết và có khuyên ngăn, góp ý với anh Th1 nhưng không có kết quả. Do anh Th1 không chịu sửa đổi tính cách nên khoảng đầu năm 2005 chị đã xin phép bố mẹ chồng cho chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, nếu anh Th1 thay đổi tính cách tu chí làm ăn thì chị sẽ quay về đoàn tụ. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh Th1 có sang bên nhà bố mẹ chị hai đến ba lần nhưng không phải để xin lỗi và đón chị về mà sang gây sự, đe dọa chị. Do anh Th1 không thay đổi tính nết mà còn đe dọa nên chị không quay về chung sống cùng anh Th1. Sau lần đó anh Th1 không lần nào đến tìm chị nữa. Vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2005 đến nay không quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau, cũng không liên lạc gì với nhau. Trong thời gian sống ly thân chị cũng đã một lần làm đơn xin ly hôn gửi UBND xã TS đề nghị giải quyết việc ly hôn nhưng UBND xã không giải quyết nên chị bỏ mặc không theo kiện nữa. Nay chị thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn Th1 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có 3 con chung là Phạm Văn D, sinh ngày 20/7/1998, Phạm Thị Hải Y, sinh ngày 19/6/2000 và Phạm Văn D1, sinh ngày 29/11/2004. Do các cháu đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Th1 không có tài sản gì nên chị không đề nghị giải quyết.

Về công sức, công nợ: Không có nên chị không đề nghị giải quyết.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Phạm Văn Th1 đến Tòa án làm việc và hòa giải nhưng anh Th1 vắng mặt. Do đó Tòa án không biết quan điểm, ý kiến của anh Th1 về các vấn đề trên và không hòa giải được.

Phiên tòa ngày 09/5/2024 bị đơn anh Phạm Văn Th1 vắng mặt không có lý do nên HĐXX quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn chị Thân Thị Th giữ nguyên quan điểm như trên.

* Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thân Thị Th và anh Phạm Văn Th1 kết hôn hợp pháp trên cơ sở được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn. Sau khi đăng ký kết hôn được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th1 ham chơi, thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến gia đình vợ con. Chị Th có khuyên ngăn nhưng anh Th1 không nghe nên vợ chồng xảy ra cãi nhau, anh Th1 thường xuyên chửi bới, đáp đập chị Th. Khoảng đầu năm 2005 chị Th đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng chị Th sống ly thân từ năm 2005 đến nay, không liên lạc với nhau, không quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau. Như vậy mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Tòa án xử cho chị Th được ly hôn anh Th1.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung, các cháu đều đã trưởng thành và tự lập nên đề nghị không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, công sức, nợ nần: Chị Th xác định vợ chồng không có tài sản, công sức và nợ chung nên chị Th không yêu cầu giải quyết.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện TL đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Thân Thị Th được ly hôn anh Phạm Văn Th1.

+ Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung đều đã thành niên và tự lập nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, công sức, nợ nần: Chị Th không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị Thân Thị Th phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Thân Thị Th yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Phạm Văn Th1 có hộ khẩu thường trú: Thôn TV, xã TS, huyện TL, tỉnh Hưng Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật

tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

Phiên tòa ngày 09/5/2024 và phiên tòa ngày 30/5/2024, bị đơn anh Phạm Văn Th1 vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Th1.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Thân Thị Th và anh Phạm Văn Th1 kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã TS, huyện TL, tỉnh Hưng Yên vào ngày 17/4/2004 theo giấy chứng nhận kết hôn 17/2021. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Th: Theo chị Th thì sau khi vợ chồng đăng ký kết hôn được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th1 ham chơi, thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến gia đình vợ con. Chị có khuyên ngăn nhưng anh Th1 không nghe nên vợ chồng xảy ra cãi nhau, anh Th1 thường xuyên chửi bới, đánh đập chị.

Mâu thuẫn của vợ chồng chị Th, anh Th1 được ông Phạm Văn C bố đẻ anh Th1 cung cấp: Sau khi cưới vợ chồng chị Th va anh Th1 về sống chung cùng nhà với gia đình ông tại thôn Tất Viên, xã Thủ sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên nhưng ăn riêng. Đến năm 2005 chị Th bỏ nhà đi đâu gia đình ông không biết và ông cũng không biết lý do tại sao chị Thư bỏ đi. Chị Th bỏ đi từ năm 2005 đến nay chưa lần nào về thăm chồng con và gia đình ông. Sau khi chị Th bỏ đi được một thời gian thì anh Th1 cũng đi Sông Mã làm ăn luôn thỉnh thoảng có về chơi, thăm gia đình. Hiện nay anh Th1 có hộ khẩu thường trú tại thôn TV, xã TS, huyện TL. Nay chị Th và anh Th1 ly hôn, gia đình ông không coi chị Th là dâu con trong gia đình, xác định là anh Th1, chị Th đã ly hôn rồi nên ông không có ý kiến gì.

Vợ chồng chị Th và anh Th1 có 03 con chung là cháu Phạm Văn D, sinh năm1998; cháu Phạm Thị Hải Y, sinh năm 2000; cháu Phạm Văn D1, sinh năm 2004.

Về tài sản chung, công sức, nợ nần: Giữa gia đình ông và vợ chồng chị Th, anh Th1 không có gì liên quan.

Hiện tại anh Th1 đang thuê nhà trọ ở và làm việc tại SM, địa chỉ cụ thể như thế nào ông không nắm được. Các văn bản tố tụng của Tòa án gửi về cho anh Th1, gia đình ông đều nhận thay và thông báo ngay cho anh Th1 biết, anh Th1 cũng thông tin lại cho ông biết là anh xác định tình cảm vợ chồng với chị Th không còn và đồng ý ly hôn, do công việc bận anh không về theo giấy triệu tập của Tòa án mà để chị Thư tự giải quyết, anh Th1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng anh Phạm Văn D trình bày: Bố mẹ anh về ở cùng nhau và sinh anh ra thì bố mẹ chưa đi đăng ký kết hôn, nguyên nhân tại sao anh không được biết. Đến năm 2004 bố mẹ anh có đăng ký kết hôn xã TS, huyện TL, tỉnh Hưng Yên. Anh không biết nguyên nhân lý do tại sao mẹ anh lại bỏ bố con anh đi, mẹ đi đâu

anh cũng không biết vì còn nhỏ, sau này lớn lên thì được biết mẹ bỏ về nhà ông bà ngoại sinh sống tại phường TD, thị xã KM, tỉnh Hải Dương. Từ ngày mẹ bỏ đi cho đến nay, chưa lần nào về thăm gia đình ông bà nội và anh. Sau khi mẹ bỏ đi, bố anh ở nhà được một thời gian thì cũng đi làm ăn ở huyện SM, tỉnh Sơn La cho đến nay, khi gia đình có công việc thì bố mới về, xong việc bố lại đi. Địa chỉ cụ thể của bố như thế nào anh không biết, giữa anh và bố có điện thoại nói chuyện với nhau. Việc mẹ anh có đơn ly hôn bố đã được Tòa án nhân dân huyện TL thụ lý giải quyết, các văn bản tố tụng Tòa án gửi về cho bố, anh và ông nội đều nhận được và có thông báo cho bố biết. Bố có thông tin lại là đồng ý ly hôn nhưng không về mà để mẹ tự giải quyết. Nay mẹ có đơn xin ly hôn bố, do bố mẹ tự quyết định, anh không có ý kiến thắc mắc gì.

Từ trước bố mẹ chung sống tại nhà đất của ông bà nội, do hai người chung sống với nhau một thời gian ngắn nên không có tài sản chung gì.

Qua xác minh, UBND xã TS cung cấp: Chị Thân Thị Th và anh Phạm Văn Th1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã TS vào ngày 17/4/2004, theo giấy chứng nhận kết hôn 17/2004. Hôn nhân của chị Th và anh Th1 được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống với nhau như thế nào, có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm được do vợ chồng không đề nghị địa phương giải quyết. Hiện tại chị Th không cư trú và không có mặt tại địa phương. Anh Phạm Văn Th1 có HKTT tại địa phương nhưng hiện tại anh Th1 không ở địa phương, anh Th1 đang làm ăn tại SM, địa chỉ cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được.

Từ những căn cứ trên xác định vợ chồng chị Th, anh Th1 xảy ra mâu thuẫn sau khi vợ chồng đăng ký kết hôn được một thời gian ngắn. Mâu thuẫn không giải quyết được nên năm 2005 chị Th đã về sống cùng bố mẹ đẻ. Chị Th và anh Th1 sống ly thân từ năm 2005 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau. Như vậy xác định mâu thuẫn giữa chị Th và anh Th1 đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc chị Th xin ly hôn anh Th1 là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Th và anh Th1 có 03 con chung là Phạm Văn D, sinh ngày 20/7/1998, Phạm Thị Hải Y, sinh ngày 19/6/2000 và Phạm Văn D1, sinh ngày 29/11/2004. Do các cháu đều đã thành niên và có gia đình riêng, chị Th không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị Th xác định chị và anh Th1 không có tài sản chung, không có công sức và công nợ chung nên không đề nghị giải quyết. Do không lấy được lời khai của anh Th1 nên không rõ được quan điểm của anh Th1 về tài sản chung, công sức, công nợ, do vậy không xem xét giải quyết về tài sản chung, công sức, công nợ chung của vợ chồng. Nếu sau này anh Th1 có yêu cầu giải quyết thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Thân Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Thân Thị Th được ly hôn anh Phạm Văn Th1.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung là Phạm Văn D, sinh ngày 20/7/1998, Phạm Thị Hải Y, sinh ngày 19/6/2000 và Phạm Văn D1, sinh ngày 29/11/2004. Do các cháu đều đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Thân Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004715 ngày 10/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TL, tỉnh Hưng Yên. Chị Th đã nộp đủ án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bàn án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện TL;;
- Chi cục THADS huyện TL;
- UBND xã Thủ Sỹ (Đăng ký số 17 ngày 17/4/2004).
- Phòng KTNV TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lý